

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DSST

Ngày: 21-9-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-DS, ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Cẩm Ng - sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 243, đường Tr, khu vực 3, phường 5, thành phố V, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tố H - sinh năm 1975 (có mặt) và ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị Cẩm Ng trình bày: Vào ngày 22/12/2021 tôi có cho vợ chồng ông Đ và bà H vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/ tháng, hai bên có làm biên nhận nợ, biên nhận nợ do ông Lý Văn Ch viết nên hai bên ký tên và tôi giữ. Từ khi vay tiền đến ngày 17/07/2022 ả thì ông Đ và bà H có đóng lãi cho tôi được 8.000.000 đồng thì ngưng đến nay. Sau khi bà H và ông Đ ngưng không đóng lãi thì tôi có yêu cầu ông, bà trả nhiều lần nhưng ông Đ, bà H hứa cho qua để kéo dài đến nay. Đồng thời, lúc vay tiền bà Huệ và ông Đ có thể chấp 01 giấy chứng nhận QSD đất cho tôi.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ và bà H phải trả tôi số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất theo quy định

Nhà nước từ ngày 17/7/2022 ã cho đến khi kết vụ án, trả 01 lần hết nợ, còn bà H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng hoặc đến tháng 02/2024 trả hết nợ thì tôi không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 17/7/2023 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Tố H trình bày: Vào ngày 22/12/2021 âm lịch tôi có hỏi vay của bà Thái Thị Cẩm Ng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Lúc vay tiền thì có làm giấy tay do bên bà Ng cất giữ. Mục đích vay tiền là để trang trải cuộc sống và chăn nuôi gà. Sau khi vay thì tôi có đóng lãi cho bà Ng được 7 lần với số tiền là 14.000.000 đồng. Lần cuối đóng là vào ngày 17/7/2022 ã thì ngưng đến nay, lúc đóng lãi không có làm giấy tờ gì mà gửi chỗ ông Lý Văn Ch. Lúc tôi vay tiền của bà Ng có thể chấp cho bà Ng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi đứng tên.

Nay, bà Ng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 17/7/2022 ã đến khi kết vụ án thì tôi thừa nhận hiện nay còn nợ bà Ng số tiền vốn là 50.000.000 đồng và đồng ý tính lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 17/7/2022 ã đến khi kết vụ án. Còn về lãi suất mà tôi đã đóng cho bà Ng thì tôi không yêu cầu tính lại.

Đồng thời, tôi xin trả dần số tiền vốn gốc và lãi suất trên cho bà Ng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nếu bà Ng không đồng thì tôi xin trong tháng 02/2024 sẽ thanh toán hết vốn và lãi phát sinh cho bà Ng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà tôi đang thế chấp cho bà Ng thì khi nào vợ chồng tôi trả xong nợ cho bà Ng thì yêu cầu bà Ng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là đồng bị đơn, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ ông nhiều lần nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự bà Thái Thị Cẩm Ng và bà Nguyễn Thị Tố H đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Cẩm Ng, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ng số tiền là 60.984.000 đồng (sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng), (trong đó vốn gốc là 50.000.000đ và lãi là 10.984.000đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thái Thị Cẩm Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn Đ là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Đ được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là bà Nguyễn Thị Tố H có vay tiền của bà Thái Thị Cẩm Ng là đúng sự thật.

Hợp đồng vay tiền giữa bà Thái Thị Cẩm Ng với bà Nguyễn Thị Tố H là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H thừa nhận còn thiếu bà Ng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) từ ngày 17/7/2022 ã đến nay mà không trả được nợ cho bà Ng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn Đ, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông Đ tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật nhưng ông Đ không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông Đ đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ theo qui định của pháp luật.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ 1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Đối chiếu với quy định trên, tuy ông Đ không trực tiếp vay tiền nhưng số tiền mà bà H vay của bà Ng là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông Đ. Đồng thời, bà H vay tiền về nhằm phục vụ nhu cầu thiết cho gia đình. Do đó, cần buộc ông Đ cùng liên đới với bà H trả nợ cho bà Ng là có căn cứ và đúng với pháp luật.

[4] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Thái Thị Cẩm Ng thì bà yêu cầu tính lãi theo qui định của Nhà nước từ ngày 17/7/2022 ã đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H đồng ý tính lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 17/7/2022 ã đến khi kết vụ án. Do đó, bà Ng yêu cầu tính lãi suất từ ngày 17/7/2022 ã đến ngày xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: “ *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi*

suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 4%/tháng cao so với quy định của pháp luật. Do đó, lãi suất cho phép là 20%/năm: 12 tháng = 1,66%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 50.000.000 đồng tính lãi suất từ ngày 17/7/2022 ãl (tức ngày 14/8/2022) đến ngày xét xử là ngày 21/9/2023 là 13 tháng 07 ngày: $(50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 13 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 10.983.666,66 \text{ đồng}$ làm tròn là 10.984.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: $50.000.000\text{đ} + 10.984.000\text{đ} = 60.984.000 \text{ đồng}$ (sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Về việc bà Nguyễn Thị Tố H xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho bà Thái Thị Cẩm Ng cho đến khi hết nợ hoặc trả 01 lần vào tháng 02/2024 nhưng yêu cầu này của bà H không được bà Ng chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Tố H.

[5] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Cẩm Ng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H. Do đó, buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H phải trả cho bà Thái Thị Cẩm Ng số tiền là 60.984.000 đồng (sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí DSST có giá ngạch là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $60.984.000\text{đ} \times 5\% = 3.049.200 \text{ đồng}$ làm tròn là 3.049.000đ (ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Bà Thái Thị Cẩm Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006813 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Cẩm Ng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H phải trả cho bà Thái Thị Cẩm Ng số tiền là 60.984.000 đồng (sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng), (trong đó vốn gốc là 50.000.000đ và lãi là 10.984.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch: Là 3.049.000đ (ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tố H phải nộp.

Bà Thái Thị Cẩm Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006813 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 21/9/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh